

## LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin pháp luật tháng 9/2020 gồm 3 phần chính:

- **Phần 1:** Các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có hiệu lực tháng 9/2020; Nghị định 91/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/8/2020 về việc *chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác* có hiệu lực ngày 01/10/2020:

*a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản pháp luật tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.*

*b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật.*

- **Phần 2:** Các dự thảo văn bản pháp luật của Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét có ý kiến.

- **Phần 3:** Các quy định của Tập đoàn ban hành trong tháng 8/2020.

Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

*(Mọi ý kiến, thắc mắc xin vui lòng liên hệ: chị Nguyễn Thị Thanh Mai - chuyên viên Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra Tập đoàn, Tel: 0913210371, Email: thanhmai@vnpt.vn)*

**Phần 1: Các VBPL quan trọng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn có hiệu lực trong tháng 9/2020; Nghị định 91/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/8/2020 về việc chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác có hiệu lực ngày 01/10/2020:**

**1. NGHỊ ĐỊNH** số Nghị định 88/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2020; Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

***a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:***

\* Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động; người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp; hoạt động hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai thực hiện các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

\* Người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động khi có đủ các điều kiện sau: Suy giảm khả năng lao động do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ 31% trở lên; Được người sử dụng lao động sắp xếp công việc mới thuộc thẩm quyền quản lý phù hợp với sức khỏe; Đang tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định.

Bên cạnh đó, người lao động được hỗ trợ khám bệnh nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện: Thời gian đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đủ từ 12 tháng trở lên; Được phát hiện bệnh nghề nghiệp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp. Mức hỗ trợ bằng 50% chi phí khám bệnh nghề nghiệp tính theo biểu giá khám.

Ngoài ra, người sử dụng lao động được nhận kinh phí hỗ trợ tối đa một lần trong vòng 24 tháng với mức 70% chi phí huấn luyện thực tế cho từng đối tượng đủ điều kiện, cụ thể: Không quá 150.000 đồng/người với đối tượng được huấn luyện là an toàn vệ sinh viên; Không quá 300.000 đồng/người với đối tượng

được huấn luyện là người quản lý phụ trách an toàn, vệ sinh lao động và người làm công tác y tế;...

***b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:***

**\* Trưởng các Ban chức năng Tập đoàn:** Ban Nhân Lực thực hiện nghiên cứu để có chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy định pháp luật.

**\* Trưởng các đơn vị:** VNPT-Vinaphone, VNPT-Media, VNPT-Net, VNPT-IT, 63 viễn thông tỉnh/thành tổ chức nghiên cứu, chuẩn bị các nội dung liên quan để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật.

**2. Thông tư 05/2020/TT-BKHĐT** của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

***a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:***

\* Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia như sau:

1. Bổ sung khoản 8 Điều 4 như sau:

“Mẫu số 08: Mẫu hồ sơ mời thầu áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn được tổ chức đấu thầu rộng rãi qua mạng theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.” Mẫu số 08 được đính kèm tại Phụ lục của Thông tư này.

2. Khoản 8 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Đối với quy trình 01 quy định tại điểm a khoản 6 Điều 15 Thông tư này, tổ chuyên gia sử dụng Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lập báo cáo đánh giá E-HSDT. Đối với quy trình 02 quy định tại điểm b khoản 6 Điều 15 Thông tư này, tổ chuyên gia sử dụng Mẫu số 01B ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lập báo cáo đánh giá E-HSDT.”

3. Bổ sung khoản 9 Điều 15 như sau:

“Đối với gói thầu xây lắp, nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất

trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng”.

4. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Đối với quy trình 01 quy định tại điểm a khoản 6 Điều 15 Thông tư này, trên cơ sở kết quả đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, bên mời thầu trình chủ đầu tư phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu theo Phụ lục số 2A ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.”

5. Khoản 2 Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, tổ chuyên gia sử dụng Phần I Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lập báo cáo đánh giá E-HSDXKT.

b) Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, tổ chuyên gia sử dụng Phần I Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lập báo cáo đánh giá E-HSDXKT.

c) Trên cơ sở báo cáo đánh giá E-HSDXKT của tổ chuyên gia, bên mời thầu trình chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật theo các Mẫu nêu tại Phụ lục số 1A, 1B ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.”

6. Khoản 2 Điều 32 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, tổ chuyên gia sử dụng Phần II Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lập báo cáo đánh giá E-HSDXTC.

b) Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, tổ chuyên gia sử dụng Phần II Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lập báo cáo đánh giá E-HSDXTC.

c) Chủ đầu tư phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu theo các Mẫu nêu tại Phụ lục số 2B ban hành kèm theo Thông tư số 05/2018/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.”

7. Hủy bỏ Mục 2.4 Chương I các Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn qua mạng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT.

8. Mục 5.5 Chương I các Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn

một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn qua mạng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5.5. Đã đăng ký trên Hệ thống và không trong trạng thái bị tạm ngừng tham gia Hệ thống theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư do chưa thanh toán phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đối với nhà thầu liên danh, tất cả các thành viên trong liên danh phải đáp ứng tất cả các nội dung nêu trên”.

9. Mục 8 Chương I các Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị E-HSDT. Chi phí nộp E-HSDT đối với đấu thầu rộng rãi là 330.000 VND (đã bao gồm thuế), đối với chào hàng cạnh tranh là 220.000 VND (đã bao gồm thuế). Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.”

10. Mục 20.1 Chương I các Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Bên mời thầu tiến hành mở thầu trên Hệ thống ngay sau thời điểm mở thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp E-HSDT thì Bên mời thầu mở thầu ngay mà không phải xử lý tình huống theo quy định tại Khoản 4 Điều 117 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng”.

11. Mục 20.1 Chương I các Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ và Mục 19.1 Chương I Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn qua mạng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:



“Bên mời thầu tiến hành mở E-HSDXKT trên Hệ thống ngay sau thời điểm mở thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp E-HSDT thì Bên mời thầu mở thầu ngay mà không phải xử lý tình huống theo quy định tại Khoản 4 Điều 117 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng”.

12. Mục 4.3 Chương III Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:

Từ “trong đó tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) từ 10% đến 15%, tỷ trọng điểm về giá (G) từ 85% đến 90%” thành “trong đó tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) từ 10% đến 30%, tỷ trọng điểm về giá (G) từ 70% đến 90%”.

13. Điểm (i) và (ii) Mục 3 Mẫu số 03 Chương III các Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Số lượng hợp đồng bằng N hoặc khác N, ít nhất có 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là V và tổng giá trị tất cả các hợp đồng  $\geq X$ . Trong đó  $X = N \times V$ ”.

14. Điểm b Ghi chú số 7 Mẫu số 3 (webform trên Hệ thống) Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, điểm b ghi chú số 6 Mẫu số 3 (webform trên Hệ thống) Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, điểm b ghi chú số 8 Mẫu số 3 (webform trên Hệ thống) Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:

Từ “Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản scan cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định tại Mẫu số 14 và Mẫu số 15” thành “Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản scan cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu

phải kê khai thông tin theo quy định tại Mẫu số 14 nhưng không phải kê khai thông tin theo Mẫu số 15 Chương này. Trường hợp có sai khác thông tin trong biểu kê khai và cam kết tín dụng kèm theo thì bản cam kết tín dụng đính kèm trong E-HSDT sẽ là cơ sở để đánh giá.”.

15. Ghi chú số 8 Mẫu số 03 Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:

“(8) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng. Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì việc xác định hợp đồng hoàn thành phần lớn trên cơ sở theo từng chu kỳ (từng năm) và tính theo khối lượng công việc trong một chu kỳ (một năm) của hợp đồng đó mà không tính theo tổng giá trị của hợp đồng qua các năm”.

16. Ghi chú số 2 Mẫu số 05 Chương IV các Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ và Ghi chú số 2 Mẫu số 01 Chương IV Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ tư vấn qua mạng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được bổ sung như sau:

“Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho giám đốc chi nhánh, giám đốc công ty con hạch toán phụ thuộc, giám đốc xí nghiệp... thì việc tham dự thầu trên Hệ thống phải được thực hiện bằng chứng thư số của nhà thầu mà không được sử dụng chứng thư số của chi nhánh, công ty con, xí nghiệp... Đối với trường hợp sử dụng chứng thư số của chi nhánh hoặc các đơn vị phụ thuộc (hạch toán phụ thuộc) thì nhà thầu sẽ bị coi là không đáp ứng về tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 Chương I”.

17. Ghi chú số 1 Mẫu số 14 (webform trên Hệ thống) Chương IV tại các Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ, Mẫu hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn hai túi hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BKHĐT được sửa đổi, bổ sung như sau:

Từ “Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn

lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 15” thành “Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thì nhà thầu phải kê khai thông tin theo quy định tại Mẫu này. Trường hợp có sai khác thông tin trong biểu kê khai và cam kết tín dụng kèm theo thì bản cam kết tín dụng đính kèm trong E-HSDT sẽ là cơ sở để đánh giá.”

***b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:***

**\* Trưởng các đơn vị:** Ban Kế hoạch Đầu tư, VNPT-Net, 63 viên thông tin/thành tổ chức nghiên cứu để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật.

**3. Thông tư 66/2020/TT-BTC** của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp  
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2020.

***a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:***

\* Thông tư này hướng dẫn mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ làm cơ sở cho các đơn vị tham chiếu trong việc xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp.

\* Quy chế kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp phải bao gồm các nội dung tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ; Doanh nghiệp tham chiếu mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ tại Phụ lục Thông tư này để xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ, đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ, các quy định pháp luật hiện hành và cơ cấu tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp.

***b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:***

**\* Trưởng các đơn vị:** Ban Kế toán Tài chính tổ chức nghiên cứu để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật.

**4. Thông tư 02/2020/TT-BXD** của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng.  
Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05/9/2020

***a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:***



Thông tư này Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

***b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:***

**\* Trưởng các đơn vị:** Ban Kế hoạch Đầu tư tổ chức nghiên cứu để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật.

**5. NGHỊ ĐỊNH 91/2020/NĐ-CP** của Chính phủ ban hành ngày 14/8/2020 về việc *chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác*.

Nghị định có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2020. Nghị định này thay thế Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, Nghị định số 77/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác.

***a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:***

\* Nghị định này quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và quy định về quảng cáo bằng tin nhắn (SMS, MMS, USSD), thư điện tử và gọi điện thoại; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bổ sung quy định xử lý vi phạm hành chính về tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

\* Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác và gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo tại Việt Nam. Cụ thể như sau:

1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet.
2. Tổ chức thiết lập mạng viễn thông dùng riêng.
3. Doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ thư điện tử.
4. Người quảng cáo bằng tin nhắn, thư điện tử và gọi điện thoại (sau đây gọi là Người quảng cáo).
5. Người sử dụng tin nhắn, thư điện tử, gọi điện thoại liên quan hoạt động quảng cáo (sau đây gọi là Người sử dụng).
6. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

\* Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, tổ chức thiết lập mạng viễn thông dùng riêng

1. Hướng dẫn Người sử dụng dịch vụ về cách thức chống tin nhắn rác, cuộc gọi

rác.

2. Hướng dẫn, cung cấp cho Người sử dụng các công cụ, ứng dụng để phản ánh tin nhắn rác, cuộc gọi rác và cho phép Người sử dụng chủ động ngăn chặn tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

3. Thực hiện triệt để các biện pháp ngăn chặn tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo đến Danh sách không quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

4. Ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử được dùng để phát tán tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Chủ động đặt ngưỡng tần suất và điều chỉnh tần suất để xác định thuê bao nghi ngờ phát tán tin nhắn rác và đạt được hiệu quả chặn tin nhắn rác tùy theo tính chất, phạm vi và thời điểm chặn tin nhắn rác.

6. Xây dựng, vận hành hệ thống kỹ thuật để chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các giải pháp công nghệ tiên tiến.

7. Cung cấp, cập nhật và chia sẻ các mẫu tin nhắn rác dùng chung cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông khác.

8. Xây dựng, kết nối hệ thống kỹ thuật quản lý tên định danh của mình tới Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia; ngăn chặn người quảng cáo gửi tin nhắn sử dụng tên định danh không do Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp.

9. Lưu trữ thông tin đăng ký quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối, thông tin xác nhận từ chối của Người sử dụng trong trường hợp Người sử dụng thực hiện các hành động đăng ký, từ chối, xác nhận từ chối quảng cáo bằng hình thức tin nhắn qua hệ thống của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trong thời gian tối thiểu là 01 năm.

10. Xây dựng, cập nhật, cung cấp và chia sẻ Danh sách đen địa chỉ IP/tên miền phát tán thư điện tử rác dùng chung cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet khác.

11. Căn cứ vào bộ tiêu chí nhận diện tin nhắn rác, cuộc gọi rác để thực hiện các biện pháp chống, ngăn chặn tin nhắn rác, cuộc gọi rác.

12. Chặn lọc các địa chỉ IP/tên miền phát tán hoặc bị lạm dụng phát tán thư điện tử rác thuộc quyền quản lý của mình.

13. Phối hợp với Người quảng cáo, các Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet trong nước và quốc tế để ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

14. Thực hiện các biện pháp đánh giá tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác trên mạng viễn thông của mình và báo cáo, thống kê định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).

15. Không được thu cước tin nhắn khi:

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

- a) Người sử dụng nhắn tin từ chối nhận quảng cáo;
- b) Các tin nhắn quảng cáo lỗi;
- c) Tin nhắn có nội dung, giá cước không chính xác mà người quảng cáo đã công bố.

16. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

\* Trách nhiệm của Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thư điện tử

1. Hướng dẫn Người sử dụng về cách thức chống thư điện tử rác.
2. Hướng dẫn, cung cấp công cụ, ứng dụng cho phép Người sử dụng tự chủ động ngăn chặn thư điện tử rác và phản ánh về thư điện tử rác.
3. Có biện pháp chặn, lọc, cập nhật danh sách các nguồn phát tán thư điện tử rác và có giải pháp để tránh mất mát và ngăn chặn nhầm thư điện tử của Người sử dụng.
4. Giám sát, kiểm soát, rà quét hệ thống máy chủ thư điện tử của mình để đảm bảo không trở thành nguồn phát tán thư điện tử rác.
5. Căn cứ vào bộ tiêu chí nhận diện thư điện tử rác để thực hiện các biện pháp chống, ngăn chặn thư điện tử rác.
6. Lưu lại phần tiêu đề thư điện tử trong thời gian tối thiểu là 180 ngày để phục vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thư điện tử quảng cáo.
7. Báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

\* Trách nhiệm của Người quảng cáo

1. Phải kiểm tra Danh sách không quảng cáo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này để tránh việc gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo, tin nhắn quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo đến các số điện thoại trong danh sách này.
2. Chỉ được phép gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo đến Người sử dụng khi được Người sử dụng đồng ý trước về việc nhận quảng cáo qua một trong các cách sau:
  - a) Đồng ý nhận tin nhắn quảng cáo sau khi Người quảng cáo gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo đầu tiên và duy nhất;
  - b) Khai báo và xác nhận vào mẫu đăng ký trên giấy in, Cổng/Trang thông tin điện tử, các ứng dụng trực tuyến, mạng xã hội của Người quảng cáo;
  - c) Gọi điện thoại hoặc nhắn tin đến tổng đài thoại của Người quảng cáo để đăng ký;
  - d) Sử dụng phần mềm hỗ trợ đăng ký nhận quảng cáo.
3. Cung cấp cho Người sử dụng công cụ tra cứu hoặc lưu trữ các thỏa thuận về việc đăng ký, từ chối nhận tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội của mình để phục vụ việc thanh, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.
4. Chịu trách nhiệm và phải có biện pháp kiểm tra việc đã đồng ý trước một cách rõ ràng của Người sử dụng khi gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng

cáo, gọi điện thoại quảng cáo.

5. Có giải pháp hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho Người sử dụng trong việc từ chối nhận tin nhắn quảng cáo theo Điều 16, thư điện tử quảng cáo theo Điều 20 Nghị định này.

6. Phối hợp với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, thư điện tử và các cơ quan tổ chức khác có liên quan trong việc quảng cáo qua tin nhắn, thư điện tử, gọi điện thoại.

7. Lưu trữ thông tin đăng ký nhận quảng cáo, thông tin yêu cầu từ chối và thông tin xác nhận từ chối của người sử dụng để phục vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát trong thời gian tối thiểu là 01 năm.

\* Xử phạt vi phạm hành chính

- Bổ sung điểm c, d, đ Khoản 2; điểm p, q, r, s Khoản 4; điểm e, g Khoản 6, khoản 7a, điểm c Khoản 10 Điều 94 ND số 15/2020/ND-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử:

Vi phạm quy định liên quan tới thư điện tử, tin nhắn, gọi điện thoại cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ:

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

c) Gọi điện thoại quảng cáo đến người sử dụng khi chưa được người sử dụng đồng ý một cách rõ ràng;

d) Gọi điện thoại quảng cáo đến người sử dụng đã từ chối nhận cuộc gọi quảng cáo;

đ) Gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo khi người sử dụng đã từ chối hoặc không trả lời nhận tin nhắn đăng ký quảng cáo.

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

p) Thực hiện quá 01 cuộc gọi quảng cáo tới 01 số điện thoại trong vòng 24 giờ mà không có thỏa thuận khác với người sử dụng;

q) Gọi điện thoại quảng cáo ngoài khoảng thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ mỗi ngày mà không có thỏa thuận khác với người sử dụng;

r) Không có biện pháp kiểm tra việc đã đồng ý trước một cách rõ ràng của người sử dụng khi gửi tin nhắn quảng cáo, thư điện tử quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo;

s) Không cung cấp cho người sử dụng công cụ tra cứu hoặc lưu trữ các thỏa thuận về việc đăng ký, từ chối cuộc gọi quảng cáo, tin nhắn đăng ký quảng cáo trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội của mình để phục vụ việc thanh, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:



e) Gửi tin nhắn đăng ký quảng cáo không đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

g) Gửi bất kỳ tin nhắn đăng ký quảng cáo nào đến các số điện thoại nằm trong Danh sách không quảng cáo.

7a. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gửi tin nhắn quảng cáo, gọi điện thoại quảng cáo đến các số điện thoại nằm trong Danh sách không quảng cáo.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

c) Buộc thu hồi số điện thoại do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này. ”.

- Bổ sung điểm c, d, đ, e Khoản 1; điểm e Khoản 2; điểm l, m, n, o, khoản 3, khoản 3a, khoản 3b, khoản 4a Điều 95 của Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử:

Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ thư điện tử, tin nhắn, gọi điện thoại quảng cáo, dịch vụ nội dung qua tin nhắn:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

c) Không cung cấp công cụ, ứng dụng cho phép người sử dụng tự chủ động ngăn chặn thư điện tử rác và phản ánh về thư điện tử rác;

d) Không có biện pháp chặn, lọc, cập nhật danh sách các nguồn phát tán thư điện tử rác hoặc không có giải pháp để tránh mất mát và ngăn chặn nhầm thư điện tử của người sử dụng;

đ) Không giám sát, kiểm soát, rà quét hệ thống máy chủ thư điện tử của mình để đảm bảo không trở thành nguồn phát tán thư điện tử rác;

e) Không báo cáo, thống kê định kỳ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

e) Không xây dựng, cập nhật, cung cấp và chia sẻ danh sách đen địa chỉ IP/tên miền phát tán thư điện tử rác dùng chung cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) và các doanh nghiệp viễn thông, Internet khác.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

l) Không cung cấp cho người sử dụng các công cụ, ứng dụng để phản ánh tin nhắn rác, cuộc gọi rác và cho phép người sử dụng chủ động ngăn chặn tin nhắn rác, cuộc gọi rác;

m) Không cung cấp, cập nhật và chia sẻ các mẫu tin nhắn rác dùng chung cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) và các doanh nghiệp viễn thông khác;



n) Không chặn lọc các địa chỉ IP/tên miền phát tán hoặc bị lạm dụng phát tán thư điện tử rác thuộc quyền quản lý của mình;

o) Không thực hiện các biện pháp đánh giá tình trạng tin nhắn rác, cuộc gọi rác trên mạng viễn thông của mình.

3a. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các tên định danh không phải do Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp hoặc đã được Bộ Thông tin Truyền thông (Cục An toàn thông tin) cấp cho tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng tên định danh đó cho phép hoặc sử dụng tên định sau khi bị thu hồi.

3b. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên định danh để gửi tin nhắn rác hoặc cung cấp các dịch vụ vi phạm các quy định của pháp luật theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4a. Phạt tiền từ 140.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng đối với các hành vi:

a) Không thực hiện các biện pháp ngăn chặn tin nhắn quảng cáo, cuộc gọi quảng cáo đến Danh sách không quảng cáo;

b) Không ngăn chặn, thu hồi địa chỉ điện tử được dùng để phát tán tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không xây dựng, vận hành hệ thống kỹ thuật để phòng chống, ngăn chặn tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác;

d) Không xây dựng, kết nối hệ thống kỹ thuật quản lý tên định danh của mình tới Hệ thống quản lý tên định danh quốc gia;

đ) Không thực hiện các nhiệm vụ điều phối ngăn chặn, xử lý thư điện tử rác, cuộc gọi rác và các biện pháp nghiệp vụ khác theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục An toàn thông tin).”.

**b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:**

**\* Trưởng các Ban chức năng Tập đoàn:** Ban Công nghệ, Ban Chiến lược Sản phẩm, Ban Chất lượng thực hiện nghiên cứu trong phạm vi chức năng của mình để có định hướng chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng quy định pháp luật.

**\* Trưởng các đơn vị:** VNPT-Vinaphone, VNPT-Media, VNPT-Net, VNPT-IT, 63 viễn thông tỉnh/thành tổ chức nghiên cứu, chuẩn bị các nội dung liên quan để đảm bảo thực hiện đúng quy định pháp luật.

**Lưu ý:**

Bản tin tóm tắt nội dung văn bản chỉ mang tính tổng hợp, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, cần tìm đọc nội dung chi tiết toàn văn văn bản.

**Phần 2: Các dự thảo VBPL của Bộ Thông tin và Truyền thông đang lấy ý kiến góp ý.**

| STT | Tên dự thảo VBQPPL                                                                                                                                                     | Thời gian lấy ý kiến     | Đơn vị trách nhiệm nghiên cứu, xem xét có ý kiến                         |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Dự thảo Thông tư Ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất - Phần truy nhập vô tuyến”                                       | 09/07/2020-09/09/2020    | Ban Công nghệ, VNPT- NET và các đơn vị liên quan.                        |
| 2.  | Dự thảo Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2013/TT-BTTTT ngày 26/03/2013 của Bộ trưởng Bộ TTTT quy định về quản lý chất lượng dịch vụ viễn thông | 03/07/2020-03/09/2020    | Ban Công nghệ, Ban CL, VNPT-Net, VNPT-Vinaphone và các đơn vị liên quan. |
| 3.  | Dự thảo Thông tư Quy định Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng                                                                                      | 03/07/2020-03/09/2020    | Ban Công nghệ, Ban CL, VNPT-Net, VNPT-Vinaphone và các đơn vị liên quan. |
| 4.  | Dự thảo Thông tư Quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm                               | 03/07/2020-03/09/2020    | Ban Công nghệ, Ban CL, VNPT-IT, VNPT-Vinaphone và các đơn vị liên quan.  |
| 5.  | Dự thảo Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quảng cáo          | 19/08/2020<br>19/10/2020 | Ban PTTT, VNPT Vinaphone, VNPT Media                                     |
| 6.  | Dự thảo Thông tư Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin                                                        | 14/08/2020<br>14/10/2020 | Ban KHĐT, Ban KTTC, VNPT-IT                                              |
| 7.  | Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030                                 | 11/08/2020<br>11/10/2020 | VNPT IT, Ban KHĐT, Ban CLSP                                              |

*Nếu đơn vị/cá nhân có ý kiến góp ý cho các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin truy cập trang thông tin điện tử của Bộ Thông Tin và Truyền thông để xem thông tin chi tiết và tham gia ý kiến; hoặc gửi ý kiến về Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ([thanhmai@vnpt.vn](mailto:thanhmai@vnpt.vn)) để tổng hợp.*

**Phần 3: Các quy định của Tập đoàn ban hành trong tháng 8/2020.**

- 1. Quy trình tuyển dụng của Tập đoàn Bru chính viễn thông Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 930/QĐ-VNPT-HĐTV-KHĐT ngày 28/8/2020 (Số eOffice: 659373).**
- 2. Quy chế tuyển dụng ban hành kèm theo Quyết định số 125/QĐ-VNPT-HĐTV-TCNL ngày 18/8/2020 (Số eOffice: 659373) thay thế Quy chế 116/QĐ-VNPT-HĐTV-NL của HĐTV Tập đoàn**
- 3. Quy trình phối hợp các đơn vị trong phòng chống gian lận viễn thông ban hành kèm theo Quyết định số 882/QĐ-VNPT-HĐTV-TCNL ngày 17/8/2020 (Số eOffice: 645287)**
- 4. Quy trình Hạ tải trọng cột anten để đảm bảo an toàn trong công tác phòng, chống thiên tai của Tập đoàn ban hành kèm theo Quyết định số 866/QĐ-VNPT-KHĐT ngày 13/8/2020 (Số eOffice: 637226).**

*Các đơn vị/cá nhân trong phạm vi chuyên môn nghiệp vụ của mình, có trách nhiệm nghiên cứu và chấp hành các quy định trên của Tập đoàn (khai thác văn bản từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Tập đoàn).*